

Số: 292/BC-CTK

Yên Bái, ngày 26 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tháng 4 và 4 tháng
đầu năm 2021 - Tỉnh Yên Bái

1. Sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp:

1.1.1. Trồng trọt: Đến nay việc gieo cấy các loại cây trồng hàng năm vụ Đông Xuân đã cơ bản kết thúc. Các địa phương trong tỉnh đang tập trung vào khâu làm cỏ, chăm sóc và bảo vệ diện tích đã gieo trồng, đồng thời đẩy nhanh tiến độ trồng cây lâu năm và trồng rừng. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi, chú trọng phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm... .

* Tiến độ sản xuất đến ngày 16 tháng 4 năm 2021 như sau:

Diện tích lúa vụ Đông Xuân 2020 – 2021 đã cấy đạt 19.240,4 ha, vượt 1,0% KH, hiện tại lúa sinh trưởng và phát triển tốt. Diện tích lúa đã trổ bông 600 ha tại thị xã Nghĩa Lộ.

Diện tích ngô Đông xuân đã trồng 18.716 ha, đạt 97,4% KH, trong đó: Ngô Đông đã trồng 5.659 ha; ngô vụ Xuân đang trồng 13.057 ha.

Các loại cây trồng khác đã trồng: Diện tích sắn 8.377 ha, đạt 97,4% KH; Khoai lang 2.006 ha, đạt 70,4% KH; Lạc 1.298 ha, đạt 70,5% KH; Sản lượng chè búp tươi 6.322 tấn, đạt 9,3% KH; cây ăn quả đã trồng 168,5 ha, đạt 56,2% KH; Rau 7.077 ha, đạt 68,1% KH; Đậu các loại 327 ha, đạt 41,4% KH.

* Tình hình sâu bệnh hại trên cây trồng: Trên cây lúa, bệnh đạo ôn lá nhiễm nặng 5 ha tại huyện Văn Chấn; trên cây ăn quả có múi, bệnh thán thư nhiễm nặng 20 ha ở huyện Văn Chấn; trên cây chè, bọ xít muỗi nhiễm nặng 1 ha tại thành phố Yên Bái.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thường xuyên phối hợp với các phòng, đơn vị chức năng của địa phương để kiểm tra, theo dõi hạn chế các đối tượng sâu bệnh trên các loại cây trồng; tiếp tục thực hiện 01 đợt kiểm tra tình hình sản xuất tại huyện Trấn Yên; thực hiện 01 chương trình truyền hình hướng dẫn kỹ thuật phòng chống dịch hại trên lúa và triển khai ngay các giải pháp để kịp thời xử lý dịch bệnh, không để lây lan ra diện rộng.

1.1.2. Chăn nuôi – Thú y

* Dự ước đàn gia súc, gia cầm hiện có như sau:

Đàn trâu đạt 93.544 con, giảm 0,2% so với cùng kỳ (do đưa cơ giới hóa vào sản xuất ngày càng phổ biến, diện tích đồng cỏ bị thu hẹp, thiếu lao động chăm sóc do chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn). Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 270,8 tấn, ước tính 4 tháng đầu năm sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 1.110,3 tấn, tăng 2% so với cùng kỳ.

Đàn Bò đạt 32.558 con, tăng 6,7% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 76,5 tấn, ước tính 4 tháng đầu năm sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 279 tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ.

Đàn lợn đạt 495.772 con, tăng 4,8% so cùng kỳ. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng trong tháng ước đạt 3.412 tấn, sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước tính 4 tháng đạt 12.958 tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ.

Đàn gia cầm đạt 6.402,8 nghìn con, tăng 4,45% so với cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 4/2021 ước đạt 750 tấn, ước tính 4 tháng đạt 2.745 tấn tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng trứng tháng 4/2021 ước đạt 4.760 nghìn quả, sản lượng trứng lũy kế 4 tháng ước đạt 21.850 nghìn quả tăng 4,5% so với cùng kỳ.

* Công tác thú y¹:

- Tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm: Từ ngày 09/4/2021 đến 13/4/2021, bệnh viêm da nổi cục phát sinh thêm 04 con bò của xã Vân Hội và xã Việt Hồng - huyện Trấn Yên mắc bệnh (03 con bò của xã Vân Hội, 01 con bò của xã Việt Hồng); đã tiến hành tiêu hủy 01 con bò với khối lượng là 94 kg tại xã Vân Hội. Như vậy, từ ngày 29/3/2021 đến ngày 15/4/2021 bệnh Viêm da nổi cục xảy ra trên bò nuôi của 04 hộ dân tại 04 thôn/bản, 04 xã thuộc 02 huyện Trấn Yên và Văn Chấn. Tổng số bò, bê mắc bệnh, có triệu chứng của bệnh Viêm da nổi cục là 08 con, đã tiêu hủy theo quy định là 05 con (04 con bò, 01 con bê) với tổng khối lượng là 973 kg.

- Công tác phòng, chống: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện Trấn Yên và Văn Chấn và các đơn vị có liên quan để kiểm tra, xác minh và lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm, hướng dẫn hộ chăn nuôi cách ly gia súc mắc bệnh, tiêu độc khử trùng, báo cáo cập nhật tình hình dịch bệnh.

Ủy ban nhân dân xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên; xã Minh An, xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn đã thông báo đến các hộ chăn nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý và theo dõi đàn trâu, bò của xã; thực hiện vệ sinh, phun khử trùng tiêu độc hằng ngày, phun thuốc diệt ruồi, muỗi. Khi trâu bò có biểu hiện của bệnh phải báo ngay

¹ Nguồn: Báo cáo Chi cục Chăn nuôi và Thú y

cho Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ phát triển Nông nghiệp huyện kiểm tra, xử lý kịp thời. Giám sát chặt chẽ việc vận chuyển, buôn bán, giết mổ gia súc tại xã có dịch.

- Về công tác kiểm dịch vận chuyển:

Trong tuần, kiểm dịch vận chuyển động vật xuất ra ngoài tỉnh được 59 chuyến/18.996 con gia súc, gia cầm (05 chuyến/64 con trâu, bò giết mổ; 26 chuyến/1.558 con lợn giết mổ; 06 chuyến/774 con lợn chăn nuôi thương phẩm, lợn giống; 13 chuyến/10.000 gia cầm giết mổ; 08 chuyến/5.400 con thỏ giết mổ; 01 chuyến/1.200 con thỏ giống) và 04 chuyến/128.160 quả trứng giống.

Kiểm tra, kiểm soát được 03 chuyến/29.600 con gà 01 ngày tuổi từ tỉnh Thái Bình đến Trại Lê Xuân Đóa - Hòa Công - Trấn Yên - Yên Bái.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Ước diện tích rừng trồng mới đến nay đạt 11.432 ha, bằng 73,7% KH, tăng 16,14% so cùng kỳ; trong đó rừng trồng tập trung ước đạt 8.603 ha, tăng 3,7% so cùng kỳ.

Sản lượng gỗ khai thác đến nay ước đạt 253.654 m³, tăng 4,5% (tăng 10.936,9 m³) so cùng kỳ.

Sản lượng củi khai thác đến nay ước đạt 380.112 ste, tăng 4,1% (tăng 14.871 ste) so với cùng kỳ.

1.3. Thủy sản

Ngay từ đầu năm ngành thủy sản của tỉnh được đánh giá có rất nhiều thuận lợi, sản lượng khai thác và nuôi trồng đều tăng so với cùng kỳ năm trước, diện tích nuôi trồng ước đạt 2.535,4 ha.

Tổng sản lượng thủy sản tháng 4 ước đạt 931,8 tấn, lũy kế 4 tháng ước đạt 3.901,1 tấn, tăng 2,9% so cùng kỳ; chia ra: Sản lượng khai thác tháng 4 đạt 88,7 tấn, lũy kế 4 tháng ước đạt 349,6 tấn, tăng 1,1%. Sản lượng nuôi trồng tháng 4 đạt 843,05 tấn, lũy kế 4 tháng đạt 3.551,48 tấn, tăng 3,1% so cùng kỳ. Nguyên nhân tăng do nguồn nước, khí hậu tại lưu vực sông Chảy của hồ Thác Bà tương đối thuận lợi tạo điều kiện cho việc đánh bắt và nuôi trồng thủy sản; mặt khác do số lượng lồng bè phát triển mạnh, bên cạnh đó hộ nông dân đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nuôi cá lồng làm tăng năng suất và cho sản lượng cao.

2. Công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 4/2021 tăng 1,18% so với tháng trước và tăng 9,15% so với tháng 4/2020. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, chỉ số công nghiệp toàn ngành tăng 10,41%² so với cùng kỳ. Phân theo ngành công

² Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 23,97%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,97%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng tăng 28,94%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,15%.

ngành cấp 2 thì một số ngành sản xuất có chỉ số sản xuất 4 tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ như: Khai thác quặng kim loại tăng 54,02%; Khai khoáng khác tăng 6,25%; Dệt tăng 7,26%; Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,95%; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 6,41%; Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 9,45%; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 5,27%; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 10,26%; Sản xuất kim loại tăng 1,65 lần; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí tăng 28,94%; Khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 3,15%,... . Bên cạnh đó có một số ngành công nghiệp cấp 2 giảm so với cùng kỳ như: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 8,3%; Sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 53,98%; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn giảm 13,26%; Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm 50,77%,...

Về sản phẩm công nghiệp: Một số sản phẩm chính có chỉ số sản xuất 4 tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ là: Quặng sắt và tinh sắt chưa nung kết tăng 67,33%; chè tăng 88,83%; gỗ cưa hoặc xẻ tăng 24,24%; gỗ lạng tăng 19,09%; ván ép từ gỗ tăng 1,64 lần; bao bì và túi bằng giấy tăng 15,57%; giấy làm vàng mã tăng 6,49%; các loại đá lát, đá lát lè đường tăng 14,94%; các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác chưa được phân vào đâu tăng 40,08%; thanh, que bằng thép hợp kim rỗng tăng 1,65 lần; điện sản xuất tăng 35,71%; điện thương phẩm tăng 10,02%;... . Bên cạnh đó còn có các sản phẩm có mức giảm so với cùng kỳ như: Tinh bột sắn giảm 42,42%; quần áo trượt tuyết giảm 12,14%; vỏ bào, dăm gỗ giảm 42,03%; sơn và vec ni giảm 69,79%; bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên giảm 86,35%; cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại giảm 74,96%; ...

Chỉ số sử dụng lao động: Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến cuối tháng 4/2021 tăng 2,18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng tăng 4,88%; ngành chế biến, chế tạo tăng 0,94%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,71%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,97% so với cùng kỳ. Chia theo loại hình doanh nghiệp lao động doanh nghiệp nhà nước tăng 4,46% (Cty Điện lực tăng 50 lao động so với cùng kỳ); khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước giảm 0,82%; doanh nghiệp FDI tăng 9,49% (một số doanh nghiệp FDI mở rộng quy mô sản xuất).

Trong bối cảnh khó khăn chung do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng với sự cố gắng nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân trong tỉnh thời gian qua, ngành công nghiệp tỉnh Yên Bái đã có bước phát triển quan trọng, chỉ số sản xuất công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá, cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo, giảm dần tỷ trọng khai khoáng. Trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, công nghiệp dần trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh có quy mô sản xuất lớn, chất lượng ổn định, tạo được thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước,...

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, bất cập, như: Công nghiệp chưa có sự bứt phá mạnh mẽ, một số chỉ tiêu, nhiệm vụ thực hiện chưa đạt yêu cầu đề ra; cơ cấu lại ngành công nghiệp còn chậm và chưa rõ nét; công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển; chưa có nhiều sản phẩm chế biến sâu phục vụ cho xuất khẩu. Các dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp phần lớn có quy mô nhỏ và vừa, dây chuyền công nghệ sản xuất chậm được đổi mới, chất lượng sản phẩm còn thấp, mẫu mã đơn giản,... hạ tầng giao thông còn bất cập, thiếu đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực thấp, thiếu thợ tay nghề cao; cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư vào phát triển công nghiệp chưa phát huy được hiệu quả, việc huy động, bố trí các nguồn lực phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn dẫn đến thiếu mặt bằng sạch để thu hút đầu tư; chưa tạo ra nhiều chuỗi liên kết sản xuất, gia tăng giá trị các sản phẩm công nghiệp của tỉnh,...

Để ngành công nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả, thân thiện với môi trường, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành công nghiệp cả nước, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh Yên Bái và trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp chủ lực, có lợi thế cạnh tranh như: Chế biến nông, lâm sản gắn với vùng nguyên liệu, trọng tâm là chế biến gỗ rừng trồng công nghệ cao, đưa Yên Bái trở thành trung tâm chế biến lâm sản của vùng; khai thác và chế biến sâu khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp; cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ; đồng thời, phát triển hợp lý một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương như dệt may, da giày. Ưu tiên lựa chọn các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường, công nghiệp sạch, công nghệ sinh học; đồng thời trong thời gian tới các cấp, các ngành cần có những giải pháp cụ thể khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp, các dự án thủy điện, các dự án hạ tầng khu, cụm công nghiệp Bảo Hưng và cụm công nghiệp Minh Quân. Tiếp tục hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn, làng nghề gắn với chế biến, tiêu thụ nông lâm sản, nâng cao giá trị sản phẩm, tạo việc làm và thu nhập cho lao động tại chỗ, đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới, gắn với thực hiện đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2030”; đẩy mạnh phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, trên cơ sở xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa ngành công nghiệp với nông nghiệp và các ngành dịch vụ liên quan như: Thương mại, vận tải, logistics, xuất, nhập khẩu,...

3. Tình hình doanh nghiệp³

Thành lập mới doanh nghiệp: Trong tháng đã thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký cho 39 doanh nghiệp (bằng 205,3% cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký là 606,413 tỷ đồng. Tổng số 04 tháng đã thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký cho 90 doanh nghiệp (bằng 136,36% cùng kỳ, đạt 32,73% so với kế

³ Nguồn: Báo cáo Sở Kế hoạch và đầu tư.

hoạch) với tổng số vốn đăng ký là 1.054,259 tỷ đồng, chia ra: Doanh nghiệp tư nhân 01 DN, vốn đầu tư: 0,5 tỷ đồng; Công ty TNHH 1 thành viên 47 DN, vốn điều lệ: 195,691 tỷ đồng; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên 17 DN, vốn điều lệ 131,456 tỷ đồng; Công ty cổ phần: 25 DN, vốn điều lệ 726,612 tỷ đồng.

Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Trong tháng có 03 chi nhánh, 03 văn phòng đại diện và 12 địa điểm kinh doanh thành lập mới. Tổng số 4 tháng có 08 chi nhánh có 04 văn phòng đại diện và 36 địa điểm kinh doanh thành lập mới.

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: Trong tháng đã làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho 110 doanh nghiệp. Tổng số 4 tháng đã làm thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho 321 doanh nghiệp.

Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Trong tháng có 07 doanh nghiệp giải thể. Tổng số 4 tháng có 19 doanh nghiệp giải thể.

Doanh nghiệp ngừng kinh doanh: Hiện có 245 doanh nghiệp ngừng sản xuất kinh doanh.

Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn: 2.480 doanh nghiệp, trong đó: Công ty TNHH 1.539 doanh nghiệp; Công ty cổ phần 549 doanh nghiệp; Doanh nghiệp tư nhân 349 doanh nghiệp; Doanh nghiệp FDI 30 doanh nghiệp; DN 100% vốn NN (ĐP quản lý) 10 doanh nghiệp; DN 100% vốn NN (TW quản lý) 03 doanh nghiệp.

Công tác cấp ĐKKD hợp tác xã, tổ hợp tác:

Hợp tác xã: Theo số liệu báo cáo của Liên minh HTX, tháng 4 có 12 HTX thành lập mới với số vốn điều lệ 10,39 tỷ đồng và 98 thành viên, không có HTX giải thể. Tổng số 04 tháng có 20 HTX thành lập mới với số vốn điều lệ 32,24 tỷ đồng. Tổng số hợp tác xã hiện có trên toàn tỉnh là 523 hợp tác xã, vốn điều lệ 1.231,85 tỷ đồng với tổng số thành viên là 27.966 người.

Tổ hợp tác: Trong tháng có 100 tổ hợp tác thành lập mới, 04 tháng có 231 tổ hợp tác thành lập mới. Tổng số hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 4.672 tổ hợp tác.

4. Vốn đầu tư, xây dựng

Ước tính vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước tháng 4/2021 trên địa bàn đạt 295.976 triệu đồng, tăng 3,46% so với tháng trước, tăng 30,4% so với cùng kỳ. Trong đó: Vốn do địa phương quản lý thực hiện được 274.490 triệu đồng (chiếm 92,74% trong tổng số), tăng 2,92% so với tháng trước, tăng 29,35% so với cùng kỳ năm 2020. Vốn do trung ương quản lý thực hiện được 21.486 triệu đồng (chiếm 7,26% trong tổng số), tăng 10,88% so với tháng trước, tăng 45,59% so với cùng kỳ.

Tiến độ thi công một số công trình dự án, trọng điểm của tỉnh, của huyện được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ như sau: Dự án cầu Tuần Quán đã hoàn thành công trình cầu, đường dẫn hai đầu cầu và

hạng mục trồng cây xanh, thảm cỏ đoạn Km0-Km2 (cầu Bảo Lương); đang triển khai đoạn tuyến từ cầu Tuần Quán đến nhà máy xử lý nước Hoàng Liên Sơn, đã hoàn thành mặt đường trong tháng 10/2020; Hiện đang gấp rút hoàn thành toàn bộ phần hạ tầng kỹ thuật bổ sung, phát sinh thuộc dự án. Dự án đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (nguồn Trái phiếu Chính phủ): Cơ bản đã hoàn thành công tác thi công, đang triển khai các hạng mục phụ trợ còn lại (hệ thống rãnh thoát nước, đường vượt nối với khu dân cư) đã tổ chức tổng nghiệm thu và bàn giao công trình đưa vào sử dụng trong tháng 7/2020. Hiện tiếp tục hoàn thiện các hạng mục phụ trợ và chỉnh trang hành lang đường. Dự án cầu Bách Lãm kết nối Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Đã thi công xong nền, mặt đường và hệ thống thoát nước tại các vị trí mới được bàn giao mặt bằng, hiện đang hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng mỹ thuật (phần bổ sung) hai bên hành lang cầu và các trụ cầu, đã hoàn thành trong năm 2020. Hiện tiếp tục hoàn thiện các hạng mục phụ trợ và chỉnh trang hành lang đường. Dự án Hạ tầng kỹ thuật công viên Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, đang triển khai thi công xây dựng công trình, trong đó: gói thầu số 04 đạt 26%, gói thầu số 09 đã hoàn thành 100% khối lượng; gói thầu số 14 đạt 39%. Công tác giải phóng mặt bằng cơ bản đã hoàn thành. Dự án đường Hoa Ban đi Nhà máy May thị xã Nghĩa Lộ (Sân vận động Nghĩa Lộ), hiện đang khẩn trương hoàn thành các thủ tục đầu tư để sớm bàn giao, đưa toàn bộ dự án vào sử dụng. Dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng thành phố Yên Bái (dự án “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc” sử dụng vốn vay Ngân hàng thế giới WB) đã hoàn thành 11/11 hạng mục thuộc giai đoạn I (trong đó 10 hạng mục hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; 1 hạng mục đã thi công xong đang hoàn thiện hồ sơ bàn giao đưa vào sử dụng là đường Hoàng Văn Thụ) và 17 hạng mục thuộc giai đoạn II. Công tác giải phóng mặt bằng chưa được giải quyết dứt điểm, kéo dài do dự án gồm nhiều hạng mục công trình nhỏ, dàn trải trên địa bàn thành phố Yên Bái như đường Lương Yên hoàn thành 95% khối lượng, thi công hoàn thành trước 04/3/2020; đường Bảo Lương hoàn thành 75% khối lượng; xây dựng hạ tầng khu tái định cư có 38/39 hộ đã được phê duyệt,... dự kiến dự án đang kéo dài sang hết quý II năm 2021 mới hoàn thành toàn bộ dự án. Dự án Đê chống ngập Sông Hồng khu vực xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái giai đoạn I (từ năm 2018 đến năm 2020) với tổng vốn đầu tư 381 tỷ đồng, giai đoạn II sau năm 2020) là 91 tỷ đồng; công trình xây dựng hệ thống đê, kè dọc sông Hồng kết hợp với đường giao thông khu vực xã Giới Phiên và xã Phúc Lộc, TP Yên Bái với tổng chiều dài khoảng 4,25 km. Hiện dự án đã hoàn thành bàn giao 9,7/31,25 ha diện tích mặt bằng cho các đơn vị nhà thầu tổ chức thực hiện dự án; Công tác giải phóng mặt bằng: Hiện tại vẫn gặp khó khăn do chưa có sự đồng thuận của người dân. Công tác kiểm đếm gặp khó khăn do mật độ cây cối, hoa màu, vật kiến trúc của các hộ gia đình nhiều so với định mức quy định của nhà nước. Dự án đường nối Quốc lộ 32C với đường Âu Cơ, thành phố Yên Bái (thực hiện theo hình thức BT), hiện Sở Giao thông vận tải đang rà soát các thủ tục và các quy định mới của pháp luật về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) để

đảm bảo các điều kiện ký kết Hợp đồng dự án. Dự án cầu Cổ Phúc với tổng mức đầu tư 330 tỷ đồng, trong đó chi phí xây dựng phần cầu và đường dẫn cầu là 211 tỷ đồng, còn lại là các chi phí khác, cầu hiện đã khánh thành vào ngày 01-01-2021 đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân, phục vụ kịp thời dịp tết Nguyên đán Tân Sửu. Hiện tại Sở Giao thông vận tải đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh, bổ sung dự án để bổ sung tuyến nhánh rẽ từ Km0+232m đến đường Yên Bái - Khe Sang vào dự án. Dự án sửa chữa nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) – Bắc Yên (Sơn La): hiện đã khởi công xây dựng công trình vào ngày 19/9/2020. Đường quốc lộ 32C với đường 174, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái: hiện các nhà thầu đang thực hiện các biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công.

Về tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc khu vực Nhà nước qua hệ thống TABMIS của Kho bạc Nhà nước từ đầu năm đến hết ngày 31/3/2021 đạt 452,6 tỷ đồng, đạt 10,78% kế hoạch vốn đã được phân bổ (4.200,5 tỷ đồng), trong đó nguồn vốn do trung ương và địa phương quản lý lần lượt đạt 12,81% và 10,21%. Tỷ lệ giải ngân vốn do địa phương quản lý đạt thấp do mới chỉ giải ngân được các nguồn vốn ngân sách tỉnh tự cân đối, sử dụng đất cấp tỉnh, trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ngân sách huyện tự cân đối, sử dụng đất cấp huyện; các nguồn vốn khác chưa hoàn thiện thủ tục thanh toán hoặc chưa có khối lượng giải ngân.

Ước tính vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn nhà nước 4 tháng đầu năm 2021 đạt 1.110.911 triệu đồng, đạt 20,96% kế hoạch, tăng 13,71% so với cùng kỳ. Trong đó: Vốn địa phương quản lý ước đạt 1.038.981 triệu đồng⁴ (chiếm 93,52%), đạt 20,67% kế hoạch, tăng 12,99% so với cùng kỳ. Vốn trung ương quản lý ước đạt 71.930 triệu đồng⁵ (chiếm 6,48%), đạt 26,27% kế hoạch, tăng 25,24% so với cùng kỳ.

5. Thu, chi ngân sách⁶

Thu ngân sách trên địa bàn 3 tháng đầu năm ước đạt 721,5 tỷ đồng, bằng 28,1% dự toán Trung ương giao, bằng 18,0% dự toán tỉnh giao và tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu cân đối ngân sách 393,0 tỷ đồng, bằng 23,9% dự toán Trung ương, bằng 20,4% dự toán tỉnh giao và tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước. Thu xô số kiến thiết 7,3 tỷ đồng, bằng 29,1% so với dự toán Trung ương giao, bằng 25,1% dự toán tỉnh giao và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Thu tiền sử dụng đất 198,0 tỷ đồng, bằng 30,5% dự toán Trung ương giao, bằng 13,0% so với dự toán tỉnh giao và bằng 81,6% so với cùng kỳ năm trước.

⁴ Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước thực hiện được 809.250 triệu đồng, đạt 22,27% kế hoạch, tăng 9,68% so với cùng kỳ. Vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện được 6.702 triệu đồng, đạt 11,41% kế hoạch, tăng 9,8% so với cùng kỳ. Vốn vay thực hiện được 1.502 triệu đồng, đạt 30,04% kế hoạch, tăng 4,8 lần so với cùng kỳ. Vốn tự có thực hiện được 5.127 triệu đồng, đạt 25,64% kế hoạch, tăng 34,21% so với cùng kỳ. Vốn khác thực hiện được 216.400 triệu đồng, đạt 16,53% kế hoạch, tăng 26,18% so với cùng kỳ.

⁵ Trong đó: Vốn ngân sách trung ương thực hiện được 50.173 triệu đồng, đạt 37,49% kế hoạch, tăng 22,81% so với cùng kỳ; vốn vay thực hiện được 5.552 triệu đồng, đạt 11,1% kế hoạch, tăng 6,4% so với cùng kỳ; vốn tự có thực hiện được 2.924 triệu đồng, đạt 5,32% kế hoạch, tăng 56,78% so với cùng kỳ; vốn khác thực hiện 13.281 triệu đồng, đạt 37,95% kế hoạch, tăng 39,80% so với cùng kỳ.

⁶ Nguồn: Báo cáo sơ Tài chính tỉnh Yên Bái.

Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 62,7 tỷ đồng, bằng 28,5% dự toán Trung ương, bằng 19,6% dự toán tỉnh giao và tăng 49,1% so với cùng kỳ năm trước. Thu tiền đất trả tiền một lần 60,4 tỷ đồng, bằng 30,2% dự toán tỉnh và gấp 2,0 lần cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương đã bảo đảm các nhiệm vụ chi thiết yếu, đặc biệt là chi phòng chống dịch Covid-19, chi trả chế độ chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội... tổng chi ngân sách địa phương 3 tháng thấp hơn so với cùng kỳ là do năm 2020 thực hiện chi trả kinh phí cho công tác phòng chống dịch Covid-19 cũng như chương trình mục tiêu quốc gia...

Tổng chi ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm ước đạt 2.184,0 tỷ đồng, bằng 22,3% dự toán Trung ương giao, bằng 20,8% dự toán tỉnh giao và bằng 75,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Chi đầu tư phát triển ước đạt 842,3 tỷ đồng, bằng 66,8% dự toán Trung ương, bằng 54,2% dự toán tỉnh giao và tăng 13,1% so với cùng kỳ. Chi thường xuyên ước đạt 1.183,7 tỷ đồng, bằng 17% dự toán Trung ương, bằng 16,8% dự toán tỉnh giao và bằng 78,7% so với cùng kỳ. Chi bổ sung có mục tiêu ước đạt 147,9 tỷ đồng, bằng 10,5% so với dự toán Trung ương và tỉnh giao, bằng 24,9% so với cùng kỳ năm trước.

6. Hoạt động ngân hàng⁷

Hoạt động huy động vốn: Tổng nguồn vốn các chi nhánh ngân hàng, QTDND đến 31/3/2021 đạt 31.065 tỷ đồng, tăng 3,35% so với 31/12/2020 (cùng kỳ tăng 0,14%); Trong đó: Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 20.827 tỷ đồng, tăng 4,85% (cùng kỳ tăng 4,02 %) và chiếm tỷ trọng 67% trên tổng nguồn vốn. Nguồn vốn huy động trên 12 tháng cũng tiếp tục tăng cao so với 31/12/2020 (tăng 19,09%).

Ước đến 30/4/2021, tổng nguồn vốn của các chi nhánh ngân hàng và QTDND trên địa bàn đạt 31.550 tỷ đồng, tăng 4,97% so với năm 31/12/2020 (cùng kỳ năm 2020 giảm 0,09%), trong đó: Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 21.000 tỷ đồng, tăng 5,73%, chiếm tỷ trọng 66,6% trên tổng nguồn vốn.

Hoạt động tín dụng: Tổng dư nợ cho vay của các chi nhánh ngân hàng, QTDND trên địa bàn đến 31/3/2021 đạt 26.945 tỷ đồng, tăng 2,23% so với 31/12/2020 (cùng kỳ giảm 1,14%), trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 10.209 tỷ đồng chiếm 37,88% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 16.736 tỷ đồng chiếm 62,11% tổng dư nợ.

Ước đến 30/4/2021 tổng dư nợ cho vay của các chi nhánh ngân hàng và QTDND đạt 27.350 tỷ đồng, tăng 3,76% (cùng kỳ năm 2020 giảm 0,99%). Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 10.400 tỷ đồng, chiếm 38,02% tổng dư nợ, tăng 4,96% so với 31/12/2020; Dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 16.950 tỷ đồng, tăng 3,05% so với 31/12/2020; Dư nợ cho vay bằng VND đạt 27.280 tỷ đồng, chiếm

⁷ Nguồn: Báo cáo Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Yên Bái.

99,74% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay bằng ngoại tệ đạt 85 tỷ đồng, chiếm 0,26% tổng dư nợ.

Kết quả tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19:

Thực hiện văn bản số 1370/NHNN-TD ngày 05/3/2021 của NHNN Việt Nam “V/v triển khai các biện pháp tăng cường phòng, chống và tháo gỡ khó khăn do tác động của dịch covid-19”, trong quý I/2021 các chi nhánh ngân hàng, QTDND đã tiếp tục triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng bởi đại dịch covid-19 theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của NHNN Việt Nam, kết quả như sau:

Dư nợ bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 phát sinh trong quý I/2021 là 120 tỷ đồng chiếm 0,44% so với tổng dư nợ trên toàn tỉnh, các chi nhánh ngân hàng đã tháo gỡ khó khăn cho 91 khách hàng, cụ thể: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ cho 73 khách hàng với dư nợ 6 tỷ đồng. Cho vay mới 18 khách hàng cá nhân với doanh số cho vay là 114 tỷ đồng. Giảm nhiều loại phí trong giao dịch với khách hàng.

Tình hình dư nợ các chương trình tín dụng: Dư nợ cho vay lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP, Nghị định số 116/2018/NĐ-CP của Chính phủ đến 31/3/2021 đạt 10.485 tỷ đồng, tăng 2,24% so với 31/12/2020 (cùng kỳ năm 2020 tăng 0,46%). Ước đến 30/4/2021 ước đạt 10.600 tỷ đồng, tăng 3,67% so với năm 31/12/2020 và chiếm 38,76% tổng dư nợ.

Dư nợ cho vay thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới đến 31/3/2021 đạt 8.430 tỷ đồng, tăng 1,65% so với 31/12/2020; ước đến 30/4/2021 đạt 8.520 tỷ đồng, tăng 2,74% so với 31/12/2020.

Dư nợ 14 chương trình tín dụng chính sách đến 31/3/2021 đạt 3.353 tỷ đồng (trong đó dư nợ các chương trình: Cho vay hộ nghèo đạt 1.128 tỷ đồng; cho vay hộ cận nghèo là 505 tỷ đồng; cho vay giải quyết việc làm đạt 154 tỷ đồng; cho vay hộ mới thoát nghèo đạt 316 tỷ đồng; cho vay nước sạch vệ sinh môi trường đạt 366 tỷ đồng; Cho vay sản xuất kinh doanh vùng khó khăn là 694 tỷ đồng...). Ước đến hết tháng 30/4/2021 đạt 3.390 tỷ đồng, tăng 2,5% so với 31/12/2020. Kết quả 14 chương trình tín dụng ưu đãi đã thực sự giúp hộ nghèo, đối tượng chính sách có vốn đầu tư vào sản xuất, nâng cao thu nhập, bảo đảm đời sống và từng bước thoát nghèo.

7. Thương mại, vận tải

Tháng 4/2021 các hoạt động thương mại, dịch vụ, lưu trú, ăn uống và du lịch đều tăng so với tháng trước do trong tháng có ngày nghỉ lễ (Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch và Giải phóng miền nam 30/4), nhu cầu vui chơi giải trí, ăn uống, du lịch của người dân tăng cao. So với cùng kỳ hoạt động thương mại, dịch vụ tăng mạnh do năm trước là thời điểm giãn cách xã hội do dịch Covid -19, hiện nay dịch bệnh đã được kiểm soát, các hoạt động trở lại bình thường.

7.1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 04/2021 ước đạt 1.824,3 tỷ đồng, tăng 33,81% so tháng cùng kỳ. Tính chung 4 tháng Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 7.265,9 tỷ đồng, bằng 33,8 % kế hoạch, tăng 22,9% so cùng kỳ (cùng kỳ năm trước có mức tăng 4,15%), cụ thể:

Ước tổng mức bán lẻ trên địa bàn tỉnh Yên Bái tháng 4/2021 đạt 1.619,2 tỷ đồng, tăng 0,36% so tháng trước, tăng 31,31% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm Tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 6.485,5 tỷ đồng⁸, tăng 21,97% so cùng kỳ năm trước. Chia ra: Lương thực, thực phẩm ước đạt 3.100,8 tỷ đồng, tăng 14,92%; hàng may mặc ước đạt 313,8 tỷ đồng, tăng 22,41%; đồ dùng, dụng cụ gia đình ước đạt 545,5 tỷ đồng, tăng 20,22%; vật phẩm văn hóa giáo dục ước đạt 57,8 tỷ đồng, tăng 27,87%; gỗ và vật liệu xây dựng ước đạt 852,4 tỷ đồng, tăng 36,38%; ô tô (dưới 9 chỗ ngồi) ước đạt 132,6 tỷ đồng, tăng 39%; phương tiện đi lại trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) ước đạt 544,5 tỷ đồng, tăng 28,82%; xăng dầu các loại đạt 495,8 tỷ đồng, tăng 20,91%; nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu) ước đạt 50,7 tỷ đồng, tăng 36,11%; đá quý, kim loại quý ước đạt 55 tỷ đồng, tăng 59,51%; hàng hóa khác ước đạt 200 tỷ đồng, tăng 39,02%; dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác ước đạt 136,6 tỷ đồng, tăng 43,67% so cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 4/2021 ước đạt 63,5 tỷ đồng, tăng 3,46% so tháng trước, tăng 50,94% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm doanh thu hoạt động dịch vụ đạt 243,5 tỷ đồng⁹, tăng 26,2% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: So cùng kỳ năm trước doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 19,4 tỷ đồng, tăng 7,57%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt 43,6 tỷ đồng, tăng 23,99%; giáo dục và đào tạo đạt 5,5 tỷ đồng, gấp 2,6 lần; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 38,6 tỷ đồng, tăng 27,17%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí đạt 55,2 tỷ đồng, tăng 38,54%; dịch vụ khác đạt 81 tỷ đồng, tăng 20,43%.

Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng 4/2021 ước đạt 141,6 tỷ đồng, tăng 3,54% so tháng trước, tăng 60,58% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm doanh thu lưu trú, ăn uống, lữ hành đạt 536,9 tỷ đồng¹⁰, tăng 33,63% so cùng kỳ năm trước. Chia ra: Doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 36 tỷ đồng, tăng 29,45%; ăn uống ước đạt 500,5 tỷ đồng, tăng 33,92%; dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 0,39 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so cùng kỳ năm trước.

⁸ Trong đó: Kinh tế Nhà nước đạt 224,5 tỷ đồng, tăng 5,92%; kinh tế tập thể đạt 25,8 tỷ đồng, tăng 6,29%; kinh tế cá thể đạt 4.377,4 tỷ đồng, tăng 24,34%; kinh tế tư nhân đạt 1.857,8 tỷ đồng, tăng 19,03% so cùng kỳ năm trước.

⁹ Trong đó: Kinh tế Nhà nước ước đạt 29,2 tỷ đồng, tăng 13,29%; kinh tế tập thể ước đạt 0,2 tỷ đồng, tăng 11,63%; kinh tế cá thể ước đạt 184,1 tỷ đồng, tăng 28,58%; kinh tế tư nhân ước đạt 29,9 tỷ đồng, tăng 25,98%.

¹⁰ Trong đó: Kinh tế Nhà nước ước đạt 0,2 tỷ đồng, tăng 2,49%; kinh tế tập thể ước đạt 0,75 tỷ đồng, tăng 17,05%; kinh tế cá thể ước đạt 525,9 tỷ đồng, tăng 32,92%; kinh tế tư nhân ước đạt 9,6 tỷ đồng, tăng 97,11% ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 0,4 tỷ đồng, tăng 1,25% so cùng kỳ năm trước.

Lượt khách phục vụ 4 tháng năm 2021 dự ước đạt 142.222 lượt khách tăng 44,26% so cùng kỳ năm trước; ngày khách phục vụ ước đạt 195.173 ngày khách, tăng 41,45% so cùng kỳ năm trước; lượt khách du lịch theo tour ước đạt 256 lượt khách gấp 2,7 lần so cùng kỳ năm trước; ngày khách du lịch theo tour đạt 472 ngày khách gấp 2,8 lần so cùng kỳ năm trước.

7.2. Vận tải

Vận tải hàng hóa tháng 4/2021 tăng cả về hàng hóa và hành khách so với tháng trước do trong tháng có ngày nghỉ lễ (giỗ tổ Hùng Vương và ngày Giải phóng miền Nam 30/4, Quốc tế Lao động 1/5) nên nhu cầu đi lại của người dân và vận tải hàng hóa phục vụ người dân tăng cao hơn những ngày bình thường. Vận tải hàng hóa, hành khách tháng 4/2021 tăng cao so với cùng kỳ do năm trước là thời gian giãn cách xã hội do dịch Covid-19, năm nay dịch bệnh đã được kiểm soát, mọi hoạt động của người dân trở lại bình thường.

Doanh thu vận tải, kho bãi tháng 4/2021 ước đạt 92,5 tỷ đồng, tăng 1,44% so tháng trước, tăng 83,17% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng doanh thu vận tải kho bãi đạt 382,4 tỷ đồng, trong đó:

Ước tính tháng 4/2021 khối lượng hàng hoá vận chuyển của toàn tỉnh (khu vực kinh tế ngoài nhà nước) bao gồm cả đường bộ và đường sông đạt 752,5 ngàn tấn; 16.773,8 ngàn tấn.km; 59,09 tỷ đồng doanh thu. So tháng 3/2021 tăng 1,51% về tấn, tăng 1,7% về tấn.km, tăng 1,38% về doanh thu. So cùng kỳ năm trước tăng 37,59% về tấn, tăng 34,8% về tấn.km, tăng 37,08% về doanh thu. Tính chung 4 tháng đầu năm khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt 3.318,9 ngàn tấn; 69.105,5 ngàn tấn.km; 247,2 tỷ đồng doanh thu. So với kế hoạch năm đạt 33,52% về tấn, đạt 35,08% về tấn.km. So cùng kỳ năm trước tăng 6,41% về tấn, tăng 9,56% về tấn.km, tăng 11,24% về doanh thu.

Ước vận tải hành khách tháng 4/2021 đạt 698,2 ngàn người; 43.670,9 ngàn người.km; 31,5 tỷ đồng. So tháng 3/2021 tăng 1,23% về người; tăng 1,35% về người.km, tăng 1,06% về doanh thu. So cùng kỳ năm trước gấp 4,3 lần về người, gấp 5,2 lần về người.km, gấp 4,8 lần về doanh thu. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021 khối lượng hành khách vận chuyển đạt 3.075,9 ngàn người; 182.653,6 ngàn người.km; 128,3 tỷ đồng doanh thu. So với kế hoạch năm đạt 27,22% về người, đạt 29,22% về người.km. So cùng kỳ năm trước tăng 28,96% về người, tăng 38,50% về người.km, tăng 39,48% về doanh thu.

Nhìn chung tình hình vận tải hàng hóa và hành khách 4 tháng đầu năm 2021 vẫn giữ mức độ ổn định, mặc dù ảnh hưởng của những biến động về tăng giá xăng dầu đầu tháng 4/2021. Ngoài ra, các đơn vị vận tải xây dựng kế hoạch vận tải hành khách dịp 30/4 và 01/5, huy động tối đa những phương tiện vận chuyển hành khách đảm bảo tiêu chuẩn an toàn, đáp ứng nhu cầu đi lại tăng cao của nhân dân. Các lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động của

phương tiện ngay từ khi xuất bến và khi lưu thông thông qua thiết bị giám sát hành trình để kịp thời nhắc nhở, xử lý nghiêm đối với lái xe vi phạm.

7.3. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2021 so với tháng trước tăng 0,07%, so với tháng 12 năm trước tăng 1,25%, so với cùng kỳ năm trước tăng 0,96%, bình quân 4 tháng so với cùng kỳ năm trước giảm 2,36%.

So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 6 nhóm chỉ số giá tăng là: Đồ uống và thuốc lá tăng 0,33%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,01%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,17%; giao thông tăng 0,86%; bưu chính viễn thông tăng 0,14%; văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,31%. Có 3 nhóm hàng chỉ số giá giảm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,02%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,33%; hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,07%. Nhóm ổn định: Thuốc và dịch vụ y tế; giáo dục.

Các nguyên nhân làm tăng CPI tháng 4 năm 2021: Bắt đầu vào mùa nắng nóng nhu cầu sử dụng các đồ uống tăng cao khiến cho nhóm đồ uống tăng và thuốc lá tăng 0,33% góp phần làm chỉ số chung tăng 0,01% so với tháng trước. Giá xăng, dầu được điều chỉnh tăng giá vào ngày 27/3/2021, ngày 12/4/2021 có giảm nhưng bình quân chung nhóm nhiên liệu vẫn tăng 1,95% góp phần làm chỉ số CPI chung tăng 0,06% so với tháng trước. Giá giá sắt thép và một số vật liệu xây dựng tăng cao theo giá thị trường trong nước và quốc tế cũng góp phần làm chỉ số giá tiêu dùng tháng này tăng so với tháng trước. Ngoài ra còn một số mặt hàng thiết bị và đồ dùng gia đình, hàng may mặc cũng tăng nhẹ do nhu cầu mua sắm khi sang mùa.

Các nguyên nhân làm giảm CPI tháng 4 năm 2021: Chỉ số giá nhóm thực phẩm giảm 0,14% và giảm chủ yếu ở mặt hàng thịt lợn và các sản phẩm từ thịt góp phần làm chỉ số giá tiêu dùng giảm 0,03% so với tháng trước. Giá điện giảm 2,42%, nước sinh hoạt giảm 0,16%, gaz giảm 5,29% do lượng tiêu thụ giảm sau Tết Nguyên đán làm chỉ số giá nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,33% góp phần làm chỉ số giá chung giảm 0,04% so với tháng trước.

Chỉ số giá vàng: Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới, giá vàng tiếp tục giảm, bình quân giá vàng tháng 4/2021 giảm 3,01% so với tháng trước, giá vàng 9999 bán ra trên thị trường tư nhân giao động quanh mức là 5.217.702 đồng/chỉ.

Chỉ số giá đô la Mỹ: Tỷ giá giữa VND và USD tháng 4/2021 ở thị trường tự do so với tháng trước tăng 0,13%, giá đô la Mỹ ở quanh mức là 23.176 đồng/USD.

8. Một số tình hình xã hội

Tình hình văn hóa-xã hội trong tháng 4/2021 ổn định. Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được các địa

phương tiếp tục chú trọng tăng cường... . Các hoạt động văn hóa, y tế, giáo dục, đời sống dân cư được duy trì; an ninh trật tự xã hội được giữ vững.

8.1. Lao động việc làm¹¹

Tháng 04/2021, đã giải quyết việc làm cho 2.532 lao động; trong đó: từ chương trình phát triển kinh tế xã hội 1.209 người, vay vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm 160 người, xuất khẩu lao động 13 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 1.150 người. Lũy kế đến tháng 04/2021 giải quyết việc làm cho 7.463 người, đạt 38,3% kế hoạch; trong đó: từ chương trình phát triển kinh tế xã hội 4.082 người, vay vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm 538 người, xuất khẩu lao động 54 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 2.789 người.

Giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 259 người, kinh phí thực hiện là 4,3 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 03 lao động, kinh phí thực hiện là 11 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 320 người. Lũy kế đến tháng 04/2021 số người được giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 1.031 người, kinh phí thực hiện là 13,9 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 09 lao động, kinh phí thực hiện là 39 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 1.020 người.

Tuyển sinh đào tạo nghề được 2.376 người; trong đó: cao đẳng 61 người, trung cấp 215 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng 2.100 người. Lũy kế đến tháng 04/2021 tuyển sinh đào tạo nghề được 5.546 người, đạt 30,8% kế hoạch; trong đó: Cao đẳng 218 người, trung cấp 399 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng 4.929 người.

8.2. Hoạt động văn hóa, thể thao¹²

Hoạt động Văn hóa Nghệ thuật: Trong tháng 4/2021, tổ chức được 12 buổi biểu diễn nghệ thuật (lũy kế 4 tháng đạt 36 buổi), trong đó vùng cao đạt 10 buổi (4 tháng đạt 10 buổi). Mở 01 lớp tập huấn văn nghệ quần chúng cho trên 80 học viên. Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ 30 buổi (lũy kế 60 buổi); 01 câu lạc bộ tham gia liên hoan hát Văn, hát Châu Văn toàn quốc. Thực hiện 03 ma kết trang trí (lũy kế 10 ma kết). Tổ chức được 20 buổi tuyên truyền lưu động (lũy kế 44 lượt). Chiếu phim phục vụ nhân dân được 88 buổi (lũy kế 142 buổi); trong đó có 07 buổi tại Rạp (lũy kế 19 buổi). Lòng 01 số phim song ngữ Việt - Mông (lũy kế 4 số).

Hoạt động Bảo tàng: Tháng 4/2021 đã tổ chức 02 cuộc trưng bày chuyên đề (triển lãm “Ngày hội non sông” chào mừng bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; trưng bày triển lãm số “Trường Sa, Hoàng Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý” và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày sách Việt Nam lần thứ 8 năm 2021). Đón 12 đoàn khách (lũy kế 4 tháng 46 đoàn) với gần 1.100 khách tham quan (lũy kế trên 4.500 khách tham quan); tiếp nhận hiện vật của cựu chiến binh Chiến khu

¹¹ Nguồn: Sờ Lao động - Thương binh và xã hội

¹² Nguồn: Báo cáo Sờ Văn hóa, thể thao và du lịch.

Vận hiến tặng; tiếp tục hoàn thiện sổ sách, phích phiếu, đánh số kiểm kê hiện vật mới nhập kho quý I - năm 2021.

Hoạt động thư viện: Tháng 4/2021 đã tổ chức phục vụ 9.800 lượt bạn đọc (lũy kế 4 tháng 32.200 lượt); luân chuyển 12.300 lượt sách báo, tạp chí (lũy kế 51.800 lượt). Xe thư viện tổ chức đi phục vụ tại cơ sở 24 buổi (lũy kế 52 buổi), trong đó phục vụ tại vùng sâu, vùng xa 10 buổi (lũy kế 24 buổi). Bổ sung và xử lý nghiệp vụ 1.200 bản sách mới (lũy kế 3.154 bản). Cấp mới 30 thẻ bạn đọc (lũy kế 180 thẻ). Biên soạn 03 số thư mục “Yên Bái thành tựu kinh tế - xã hội” (lũy kế 4 tháng 12 số)...

Lĩnh vực Thể dục thể thao: Tổ chức thành công giải Vô địch Bóng bàn các nhóm tuổi, giải Vô địch Bắn nỏ, Đẩy gậy, giải Vô địch Cầu lông các nhóm tuổi năm 2021. Tập huấn Thi đấu 07 giải thể thao thành tích cao (gồm: Giải vô địch các Câu lạc bộ Cầu mây toàn quốc năm 2021 tại tỉnh Vĩnh Long (đạt 01 huy chương bạc); các giải đang thi đấu: Giải vô địch các Câu lạc bộ Bóng ném toàn quốc năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giải vô địch Cử tạ thanh thiếu niên quốc gia năm 2021 tại tỉnh Kiên Giang; Giải vô địch các đội mạnh Vovinam toàn quốc lần XII năm 2021 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giải vô địch Đá cầu cá nhân toàn quốc năm 2021 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Giải Điền kinh Cúp tốc độ Thống Nhất Thành phố Hồ Chí Minh năm 2021; Giải vô địch Cầu mây toàn quốc năm 2021 tại tỉnh Thanh Hóa). Tập huấn 01 giải (Giải vô địch Bóng ném Bãi biển toàn quốc năm 2021 tại Bình Định)...

8.3. Giáo dục¹³

Trong tháng ngành Giáo dục tiếp tục tăng cường việc chỉ đạo triển khai Đề án phát triển GD mầm non; tăng cường Tiếng Việt trong giáo dục mầm non đặc biệt đối với học sinh Mẫu giáo 5 tuổi nhằm chuẩn bị cho vào lớp 1; bàn giao chất lượng vào lớp 1.

Tổ chức thẩm định tài liệu giáo dục địa phương lớp 2; tiếp tục tổ chức lựa chọn sách giáo khoa: Tổng hợp kết quả lựa chọn sách của các Hội đồng chọn SGK trình UBND tỉnh ban hành Quyết định danh mục SGK; báo cáo Bộ GD&ĐT; hướng dẫn đánh giá mức độ thông thạo tiếng Việt đối với học sinh lớp 1 vùng Dân tộc thiểu số; chỉ đạo việc xã hội hóa Tiếng Anh đối với lớp 1,2; tổ chức hoạt động ngoại khóa môn Tiếng Anh Cấp Tiểu học.

Tiếp tục chuẩn bị các điều kiện triển khai CT GDPT 2018 (Xem xét các điều kiện liên quan như bố trí, sắp xếp Đội ngũ, CSVC ...); chỉ đạo triển khai các hoạt động ngày sách Việt Nam năm 2021; hướng dẫn cơ sở phân tích phổ điểm (thi thử); đánh giá tình hình, nguyên nhân; xây dựng giải pháp Chỉ đạo ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2021; tiếp tục tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 6; phối hợp biên soạn tài liệu giáo dục địa phương lớp 6; Đôn đốc giáo viên hoàn thành bồi dưỡng môđul 3 trên LMS; tổ chức khảo sát học sinh lớp 5, lớp 9 năm học 2020 -

¹³ Nguồn: Báo cáo Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái.

2021 và thi thử tốt nghiệp THPT năm 2021; xây dựng các kế hoạch và tổ chức Bổ sung ngân hàng câu hỏi tuyển sinh THPT. Hoàn thiện bộ văn bản công tác Thi năm 2021...

8.4. Hoạt động y tế¹⁴

Tình hình dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Yên Bái: Tính đến 20h00 ngày 18/4/2021 phát hiện 01 ca bệnh dương tính đầu tiên với SARS-CoV-2 tại Yên Bái. Bệnh nhân nam, 35 tuổi, trong số 11 chuyên gia và thân nhân quốc tịch Ấn Độ đến làm việc tại Công ty TNHH Đá Cẩm Thạch RK Quốc tế, huyện Lục Yên. 10 trường hợp còn lại đã có kết quả xét nghiệm âm tính lần 01 với SARS-CoV-2. Ngay sau khi nhập cảnh, đoàn đã được xe chuyên dụng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Trí Đức đưa về cách ly tập trung tại Khách sạn Như Nguyệt 2, thành phố Yên Bái. Sau khi có kết quả xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, bệnh nhân đã được chuyển về điều trị cách ly tại Bệnh viện Nhiệt đới Trung ương cơ sở 2. Các trường hợp tiếp xúc gần (có 11 trường hợp F1, bao gồm: 10 người cùng đoàn, 01 nhân viên khách sạn) tiếp tục cách ly tập trung tại khách sạn. Ngoài ra, 05 trường hợp liên quan là 03 lái xe và 02 nhân viên y tế của công ty TNHH dịch vụ Trí Đức đón đoàn đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo quy định.

Tính đến 17h00 ngày 18/04/2021 lũy tích tổng số mẫu giám sát dịch tễ (người nghi nhiễm bệnh, người tiếp xúc gần, người đi nhập cảnh từ nước ngoài về, giám sát cộng đồng) là 6.408 mẫu xét nghiệm, 6.397 mẫu cho kết quả âm tính với SARS-CoV-2, 11 mẫu còn lại đang chờ kết quả. Số trường hợp hiện đang cách ly tập trung: 17 (lũy tích 477), đang cách ly tại nhà: 0 (lũy tích 4.063), đang theo dõi tại nhà: 30 (lũy tích 11.835).

Trong tháng ghi nhận 07 ổ dịch mới (06 ổ dịch Thủy đậu với 128 ca mắc; 01 ổ dịch Tay chân miệng với 17 ca mắc).

Một số bệnh truyền nhiễm có số mắc tăng so với tháng trước: cúm (335/235), tiêu chảy (145/245), thủy đậu (321/110); adeno virus (128/76); viêm gan vi rút (31/25)...; bệnh truyền nhiễm có số mắc giảm: quai bị (4/6).

Kết quả tiêm chủng mở rộng:

TT	Nội dung	Tháng 4 (%)	4 tháng (%)
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (%)	11,1	25,9
2	Tỷ lệ tiêm Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ đầu tại bệnh viện (%)	94,4	96,3
3	Tỷ lệ phụ nữ có thai tiêm phòng uốn ván mũi 2 trở lên (%)	7,4	20,4

¹⁴ Nguồn: Báo cáo Sở Y tế tỉnh Yên Bái.

TT	Nội dung	Tháng 4 (%)	4 tháng (%)
4	Tỷ lệ tiêm phòng Sởi - Rubella (cho trẻ 18 tháng tuổi)	11,4	24,8
5	Tỷ lệ tiêm phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT mũi 4 cho trẻ 18 tháng tuổi)	10,4	24,8
6	Tỷ lệ tiêm Viêm não Nhật Bản mũi 3	13,6	31,0

Phòng, chống HIV/AIDS: Số HIV mới phát hiện trong tháng 09, lũy tích: 4.832; số mắc bệnh AIDS trong tháng 0, lũy tích 2.543; số tử vong do AIDS trong tháng 0, lũy tích 2.141.

Điều trị ARV: Điều trị mới trong tháng: 05; chuyển đến từ địa phương khác: 09; lũy tích: 2.620; bệnh nhân tử vong: 03; chuyển đi địa phương khác: 0; bỏ trị: 03; điều trị lại: 04; đang điều trị: 1.646 (47 trẻ em).

Điều trị Methadone: Số bệnh nhân điều trị mới trong tháng: 34; số bệnh nhân ra khỏi chương trình: 31; hiện đang điều trị: 982.

Điều trị Buprenorphine: Số bệnh nhân điều trị mới trong tháng: 05; số bệnh nhân ra khỏi chương trình: 05; hiện đang điều trị: 59.

An toàn vệ sinh thực phẩm: Trong tháng 4 trên địa bàn toàn tỉnh không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm.

Kết quả công tác khám chữa bệnh:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 4	Lũy tích 4 tháng
1	Tổng số lượt khám chữa bệnh	143.521	489.317
	- Khám tại cơ sở y tế	117.709	418.272
	- Khám dự phòng	25.812	71.045
2	Số lượt khám y học cổ truyền và y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại	18.491	76.008
3	Số lượt khám trẻ em dưới 5 tuổi	13.669	47.903
4	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	11.838	44.261
5	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	18.536	64.983
6	Tổng số ngày điều trị nội trú	78.486	265.218
7	Số lần phẫu thuật	1.621	5.295
	Trong đó: Mổ Cấp cứu	564	2.511
	Mổ Phiên	1.057	2.784
8	Tổng số lần xét nghiệm	170.720	594.204
9	Tổng số lần Siêu âm	21.676	64.621
10	Tổng số lần chụp X-Quang	20.301	68.883

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện tháng 4	Lũy tích 4 tháng
11	Tổng số lần chụp CT-Scanner	1.563	5.419
12	Tổng số lần chụp MRI	322	1.020
13	Tổng số tai nạn thương tích vào viện	1.641	3.899
	Trong đó: Tai nạn giao thông vào viện	432	1.174

8.5. Về an toàn giao thông¹⁵

Tính từ 15/3 đến 14/4/2021 trên địa bàn tỉnh xảy ra là 07 vụ tai nạn giao thông, làm 01 người chết, 08 người bị thương. So với tháng trước số vụ giảm 04, số người chết bằng tháng trước, số người bị thương giảm 09 người. So với tháng cùng kỳ năm trước số vụ giảm 09, số người chết giảm 04 người, số người bị thương giảm 07 người.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2020 toàn tỉnh xảy ra 38 vụ, làm chết 06 người và 48 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước số vụ giảm 03 vụ, số người chết giảm 03 người và số người bị thương giảm 01 người.

8.6. Môi trường¹⁶

Tình hình cháy nổ: Từ ngày 15/3 đến 15/4/2020 trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 01 vụ cháy, không có vụ nổ, không có người chết và bị thương, không gây thiệt hại về tài sản. Tính từ đầu năm đến hết ngày 15/4/2020, trên địa bàn xảy ra 07 vụ cháy, 01 vụ nổ; làm 01 người chết, 01 người bị thương và gây thiệt hại về tài sản trị giá 2.755 triệu đồng. So với cùng kỳ năm trước số vụ cháy giảm 05, vụ nổ tăng 01; số người chết bằng cùng kỳ, số người bị thương tăng 01; giá trị thiệt hại gấp 3,7 lần.

Tình hình vi phạm môi trường: Trong tháng phát hiện và xử lý 01 vụ vi phạm môi trường với số tiền xử phạt 15 triệu đồng. Tính chung 04 tháng đầu năm 2021 phát hiện 02 vụ vi phạm môi trường và xử lý bằng hình thức phạt hành chính với tổng số tiền phạt là 51 triệu đồng. so với cùng kỳ số vụ vi phạm môi trường tăng 01 vụ; số tiền xử phạt gấp 3,4 lần./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Vụ Thống kê Tổng hợp (TCTKê);
- Thường trực Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

Đinh Bá Toàn

¹⁵Nguồn: Ban an toàn giao thông tỉnh Yên Bái.

¹⁶Nguồn: Sở Tài nguyên môi trường Yên Bái.

